Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-30 15:10:53 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1091/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 59/TTr-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Văn bản số 3295/BKHCN-CNCNTT ngày 25 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Việt Nam cần hình thành các doanh nghiệp công nghệ mang tính chiến

lược, có quy mô lớn, có nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực nghiên cứu và phát triển ngang tầm khu vực và thế giới, do người Việt Nam làm chủ; đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước; thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các lĩnh vực then chốt, có tính nền tảng và tác động lan tỏa mạnh mẽ.

2. Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước là lực lượng nòng cốt thúc đẩy và phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng; dẫn dắt năng lực nghiên cứu, phát triển giúp Việt Nam từng bước làm chủ công nghệ cốt lõi, công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược như Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối (Blockchain), bán dẫn, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi; đủ khả năng giải quyết nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đóng vai trò thúc đẩy đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao, dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng, hình thành hệ sinh thái nội địa bền vững, nâng cao năng lực nội địa hóa; có quy mô lớn, trình độ quản trị cao, hiệu quả, đủ năng lực cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu; góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số.

3. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng và dẫn dắt bằng cách: (i) giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho doanh nghiệp trong nước thực hiện để thúc đẩy hình thành, phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn; (ii) ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư, đất đai, thuế; (iii) hỗ trợ thị trường đầu ra cho sản phẩm trong nước; (iv) huy động, phối hợp nguồn lực nhà nước - xã hội và thu hút nguồn lực trong và ngoài nước; (v) hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, sở hữu trí tuệ (đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác) trong và ngoài nước, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam; (vi) ưu tiên thúc đẩy các doanh nghiệp quy mô lớn, tiềm lực tài chính mạnh, đang hoặc có khả năng dẫn đầu thị trường, các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực công nghệ, có năng lực khoa học và công nghệ vượt trội, có tiềm năng hoặc đang tham gia sâu chuỗi cung ứng toàn cầu, có khả năng dẫn dắt và lan tỏa để hình thành doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn.

4. Việt Nam định hướng xây dựng các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn gắn liền với phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp trong nước vững mạnh. Trong hệ sinh thái này, các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn dẫn dắt,

liên kết các doanh nghiệp khác, viện, trường, nhà nước để nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, cung cấp sản phẩm công nghệ số đáp ứng nhu cầu của người dân, cơ quan, doanh nghiệp và toàn xã hội; các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân lớn đóng vai trò "hộ tiêu dùng chủ lực", định hướng thị trường, thúc đẩy gia tăng tỷ lệ và quy mô tham gia của doanh nghiệp Việt Nam trong toàn bộ chuỗi giá trị.

5. Đề án đặt ra các mục tiêu là căn cứ định hướng để các bộ, ngành, địa phương xác định nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý; làm cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ, lựa chọn doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước tham gia thực hiện, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược và an ninh mạng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn

Hình thành tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

- Tổng doanh thu của năm đạt từ 1 tỷ USD (Đô la Mỹ) trở lên;

- Số lượng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm đạt từ 5.000 người trở lên;

- Có tối thiểu 01 tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc doanh nghiệp công nghệ số;

- Tỷ lệ chi cho R&D (nghiên cứu và phát triển) trên tổng doanh thu của doanh nghiệp đạt từ 3% trở lên;

- Doanh nghiệp có tối thiểu 01 bằng sáng chế được cấp bởi một trong năm cơ quan sở hữu trí tuệ uy tín trên thế giới là: USPTO, EPO, JPO, KIPO, CNIPA.

2. Mục tiêu phát triển hạ tầng số

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ đóng vai trò quan trọng để Việt Nam có hệ thống hạ tầng số quốc gia đồng bộ, hiện đại, xanh, liên thông, kết nối trong nước và quốc tế với dung lượng lớn, tốc độ cao, đủ năng lực tin

cậy và khả dụng cao để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo vệ chủ quyền số. Cụ thể:

- Triển khai và đưa vào hoạt động thêm tối thiểu 06 tuyến cáp quang biển mới, kết nối quốc tế dung lượng lớn, tốc độ cao, trong đó có tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ đầu tư.

- Phát triển nhanh mạng 5G, phấn đấu phủ sóng 99% dân số.

- Phát triển và hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc, đóng vai trò hạ tầng số quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội.

- Phát triển mới tối thiểu 05 trung tâm dữ liệu quy mô lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh, góp phần đưa Việt Nam trở thành trung tâm dữ liệu của khu vực.

3. Mục tiêu phát triển dữ liệu số

- Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số quốc gia mở, liên thông, an toàn, đáng tin cậy, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác có trách nhiệm để thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và bảo vệ chủ quyền dữ liệu.

- Phát triển thị trường dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...).

4. Mục tiêu phát triển nhân lực số

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn góp phần phát triển nhân lực số quy mô lớn, chất lượng cao, đạt chuẩn kỹ năng quốc tế ở các lĩnh vực trọng điểm, thông qua phương thức đào tạo lại, đào tạo nâng cao theo mô hình kết hợp giữa "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp": Đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thông qua các nền tảng học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI, VR, AR,... để giảng dạy, mô phỏng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế; Có chính sách thu hút và trọng dụng chuyên gia trong/ngoài nước về làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn, tham gia các dự án phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

5. Mục tiêu phát triển công nghệ chiến lược

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ làm chủ, phát triển và thương mại hóa một số công nghệ chiến lược then chốt, đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm chủ quyền công nghệ. Cụ thể:

- Làm chủ, nghiên cứu và phát triển, ứng dụng các công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy doanh nghiệp của Việt Nam làm chủ tối thiểu 70% công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Việt Nam vào nhóm 3 quốc gia dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.

- Phát triển tối thiểu 06 hệ thống trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội: tư pháp; tài chính; nông nghiệp và môi trường; văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục; y tế.

- Xây dựng bản sao số cho một số tỉnh, thành phố: Bao gồm phát triển bản đồ số quốc gia 3D, hạ tầng kỹ thuật đô thị, môi trường, giao thông, logistic, giáo dục, y tế, công thương, bản đồ dịch bệnh, công trình ngầm, không gian mặt đất, không gian vệ tinh.

- Xây dựng tối thiểu 01 nền tảng chuỗi khối hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối vào hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất, kinh doanh.

6. Mục tiêu thúc đẩy an ninh mạng

Xây dựng năng lực an ninh mạng quốc gia mang tính chủ động để bảo vệ hạ tầng số quan trọng và dữ liệu cá nhân, phát hiện, ngăn chặn, ứng phó, phục hồi sự cố nhanh, bảo đảm an toàn và giữ vững chủ quyền số. Cụ thể:

- Phát triển và hoàn thiện mạng lưới kết nối, chia sẻ thông tin giữa các Trung tâm An ninh mạng của tỉnh, thành phố với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng nhằm bảo đảm khả năng giám sát, phát hiện và phản ứng sớm các cuộc tấn công mạng trên toàn quốc.

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trọng điểm, chiếm lĩnh thị trường trong nước, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật

a) Rà soát, hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp có thị trường, khách hàng trong nước, ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư, đất đai, thuế; bảo đảm thị trường đầu ra cho sản phẩm; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển và sở hữu trí tuệ (đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác) trong và ngoài nước; thúc đẩy, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam; ưu tiên thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước.

b) Rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, đặc biệt là các dự án đầu tư vào công nghệ cốt lõi và các lĩnh vực có tính chất nền tảng.

c) Rà soát, cải tiến cơ chế khuyến khích doanh nghiệp trong nước tiếp nhận, làm chủ công nghệ được chuyển giao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

d) Có chính sách khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư, thuê, mua sắm, sử dụng các sản phẩm của các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số doanh nghiệp.

2. Triển khai nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

a) Căn cứ vào mục tiêu của Đề án và mục tiêu của ngành, lĩnh vực liên quan được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn đến năm 2030, các bộ, ngành (i) công bố nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và (ii) tổ chức lựa chọn doanh nghiệp tham gia, thực hiện tối thiểu 01 nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để lựa chọn doanh nghiệp tham gia, thực hiện tối thiểu 01 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Bộ, ngành, địa phương khi giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp tham gia triển khai, giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải yêu cầu doanh

nghiệp triển khai cam kết tỷ lệ, số lượng doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa trong nước tham gia chuỗi cung ứng thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đó.

3. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, phát triển thị trường cho doanh nghiệp

a) Căn cứ điều kiện thực tiễn, nhu cầu phát triển và lợi thế đặc thù trong các lĩnh vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng, các địa phương nghiên cứu, xem xét triển khai khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trước khi triển khai trên quy mô lớn.

b) Hỗ trợ kêu gọi các quỹ đầu tư trong nước, quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư cho hoạt động triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

c) Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn đặt hàng, chia sẻ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, dữ liệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các viện, trường thông qua các dự án đồng nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

d) Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật.

đ) Triển khai việc ưu tiên các doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tham gia chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm hỗ trợ quảng bá sản phẩm, dịch vụ, kết nối mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

e) Triển khai đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thông qua các nền tảng học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại để giảng dạy, mô phỏng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Đo lường, đánh giá kết quả triển khai Đề án

Xây dựng hệ thống thông tin để đo lường trực tuyến và định kỳ theo dõi, đánh giá, công bố kết quả triển khai Đề án hàng năm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện theo quy định của pháp luật, được bố

trí từ các nguồn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật liên quan;

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan;

c) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn để tháo gỡ khó khăn và giúp doanh nghiệp phát triển hạ tầng số, nhân lực số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai.

c) Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án này, xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, phối hợp thực hiện, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tiến độ được giao.

d) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án này bằng cách lồng ghép thực hiện trong các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, chương trình, đề án trong các ngành, lĩnh vực phụ trách.

đ) Bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Bộ Khoa học và Công nghệ trên hệ thống thông tin của Đề án để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì tổ chức triển khai các nhiệm vụ giải pháp liên quan đến lĩnh vực hạ tầng số, công nghệ chiến lược.

b) Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn, tổ chức đánh giá kết quả phát triển doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước, công khai kết quả trên hệ thống thông tin Đề án.

c) Tổng hợp tình hình, kết quả triển khai Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm.

d) Chịu trách nhiệm theo quy định về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 59/TTr-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Văn bản số 3295/BKHCN-CNCNTT ngày 25 tháng 5 năm 2026.

3. Bộ Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành và địa phương, cân đối, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

b) Chủ trì tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Đề án.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực số.

5. Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến phát triển lĩnh vực dữ liệu số và an ninh mạng.

6. Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực an ninh mạng.

7. Đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tuyên truyền về các nội dung thuộc Đề án.

8. Hội/Hiệp hội trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

a) Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp tham gia Đề án.

b) Kết nối doanh nghiệp trong Đề án với các quỹ đầu tư, đối tác quốc tế và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HÌNH THÀNH CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC QUY MÔ LỚN TRONG NƯỚC ĐỂ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, NHÂN LỰC SỐ, DỮ LIỆU SỐ, CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC, AN NINH MẠNG

(Kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	**Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật**				
1.	Rà soát, hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp có thị trường, khách hàng trong nước, ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư, đất đai, thuế; bảo đảm thị trường đầu ra cho sản phẩm; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển và sở hữu trí tuệ (đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác) trong và ngoài nước; thúc đẩy, hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam; ưu tiên thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ chế, chính sách được ban hành	Giai đoạn 2026-2030
2.	Rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, đặc biệt là các dự án đầu tư vào công nghệ cốt lõi và các lĩnh vực có tính chất nền tảng	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Quy trình, thủ tục hành chính về đầu tư được rà soát và hoàn thiện	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
3.	Rà soát, hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp trong nước tiếp nhận, làm chủ công nghệ được chuyển giao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
4.	Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện và triển khai chính sách khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân lớn đầu tư, thuê, mua sắm, sử dụng các sản phẩm của các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân lớn	Chính sách khuyến khích được ban hành	Giai đoạn 2026-2030
II	**Triển khai nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật**				
5.	Công bố nhiệm vụ trọng điểm quốc gia giai đoạn 2026-2030 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách	Các bộ, ngành	Bộ Khoa học và Công nghệ	Danh mục nhiệm vụ trọng điểm quốc gia được công bố ban hành trong năm 2026 và được cập nhật	Quý IV/2026 và hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
				hằng năm	
6.	Tổ chức lựa chọn doanh nghiệp tham gia, thực hiện tối thiểu 01 nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách theo quy định của pháp luật hiện hành	Các bộ, ngành		Lựa chọn và công bố các doanh nghiệp tham gia thực hiện	Giai đoạn 2026-2030
7.	Tổ chức triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ để lựa chọn doanh nghiệp tham gia, thực hiện tối thiểu 01 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương	Các bộ, ngành, địa phương		Các bài toán lớn được doanh nghiệp triển khai theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ	Giai đoạn 2026-2030
8.	Công khai trong hồ sơ giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước yêu cầu doanh nghiệp chủ trì cam kết tỷ lệ, số lượng doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa trong nước tham gia chuỗi cung ứng thực hiện nhiệm vụ.	Các bộ, ngành, địa phương		Các cam kết của doanh nghiệp được công khai	Giai đoạn 2026-2030
9.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về tư pháp	Bộ Tư pháp	Bộ Khoa học và	Hệ thống trí tuệ nhân	2026-2028

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội		Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	tạo về tư pháp được triển khai và áp dụng	
10.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về tài chính dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	Hệ thống trí tuệ nhân tạo về tài chính được triển khai và áp dụng	2026-2028
11.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về nông nghiệp và môi trường dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	Hệ thống trí tuệ nhân tạo về nông nghiệp và môi trường của Việt Nam được triển khai và áp dụng	2026-2028
12.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về văn hóa, thể thao và du lịch dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	Hệ thống trí tuệ nhân tạo về văn hóa, thể thao và du lịch của Việt Nam được triển khai và áp dụng	2026-2028
13.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về giáo dục và đào tạo dựa trên dữ liệu của Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ và	Hệ thống trí tuệ nhân tạo về giáo dục và đào	2026-2028

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội		các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	tạo của Việt Nam được triển khai và áp dụng	
14.	Phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo về y tế dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội	Bộ Y tế	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	Hệ thống trí tuệ nhân tạo về y tế của Việt Nam được triển khai và áp dụng	2026-2028
15.	Xây dựng nền tảng chuỗi khối hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối vào hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất, kinh doanh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp liên quan	Nền tảng chuỗi khối được triển khai và áp dụng	2026-2028
III	**Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, phát triển thị trường cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật**				
16.	Căn cứ điều kiện, nhu cầu và lợi thế đặc thù trong phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược và an ninh mạng, các địa phương nghiên cứu, xem xét triển khai khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trước khi triển	Các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan	Phấn đấu mỗi địa phương triển khai được 01 sandbox	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	khai trên quy mô lớn				
17.	Kêu gọi các quỹ đầu tư trong nước, quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư cho hoạt động triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp	Các Quỹ đầu tư tham gia thực hiện nhiệm vụ	Giai đoạn 2026-2030
18.	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn đặt hàng, chia sẻ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, dữ liệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các viện, trường thông qua các dự án đồng nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các bộ, ngành và địa phương	Giải pháp được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
19.	Đặt hàng, thuê, mua, sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong nước nếu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế	Các bộ, ngành, địa phương; các tập đoàn nhà nước, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp tư nhân lớn	Bộ Khoa học và Công nghệ	Danh mục nhu cầu mua sắm/thuê dịch vụ công nghệ số; số lượng hợp đồng đặt hàng, mua sắm, thuê dịch vụ.	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
20.	Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thông qua Quỹ Phát triển hoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các bộ, ngành	Nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được triển khai	Thường xuyên
21.	Triển khai ưu tiên các doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tham gia chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm hỗ trợ quảng bá sản phẩm, dịch vụ, kết nối mở rộng thị trường trong và ngoài nước	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các hoạt động của chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại được tổ chức	Giai đoạn 2026-2030
22.	Xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu thực tế trong đó nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí theo nhiệm vụ, ngành nghề ưu tiên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, viện, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ số	Danh mục ngành đào tạo công nghệ chiến lược ưu tiên; chương trình đào tạo; số lượng nhân lực được đào tạo.	Thường xuyên
23.	Triển khai đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thông qua các nền tảng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, viện, trường đại học,	Các khóa đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại để giảng dạy, mô phỏng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế		doanh nghiệp công nghệ số	số được tổ chức	
IV	**Đo lường, đánh giá kết quả triển khai Đề án**				
24.	Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin để đo lường trực tuyến và theo dõi, đánh giá; công bố kết quả triển khai Đề án hàng năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ thống thông tin đưa vào sử dụng	Giai đoạn 2026-2030